

Số: 1026/QĐ-UBND

Thuận Bắc, ngày 05 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
Quý II năm 2023 của huyện Thuận Bắc

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thành phố;

- Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Bắc về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Bắc về phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách Nhà nước, phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;


Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý II năm 2023 của huyện Thuận Bắc (theo các biểu mẫu: Biểu số 93/CK-NSNN; Biểu số 94/CK-NSNN; Biểu số 95/CK-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

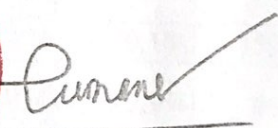
Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đoàn thể huyện;
- Viện kiểm sát, Tòa án huyện;
- UBND các xã;
- Trang Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TH;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Phạm Trọng Hùng

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUY II NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng./.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực	
				Dự toán năm 2023	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	71.000	15.429	21,7%	47,2%
I	Thu nội địa	71.000	14.829	20,9%	45,3%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	10.000	3	0,0%	19,9%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				0,0%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	17.800	9.091	51,1%	57,9%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000	854	42,7%	46,4%
-	Thuế tài nguyên	2.500	1.000	40,0%	63,7%
-	Thuế giá trị gia tăng	13.300	7.236	54,4%	58,9%
-	Thuế môn bài				
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SXKD trong nước		1		
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.600	1.033	22,5%	35,0%
6	Thuế bảo vệ môi trường				
7	Lệ phí trước bạ	3.700	1.777	48,0%	93,6%
8	Thu phí, lệ phí	1.500	297	19,8%	48,9%
9	Các khoản thu về nhà, đất	31.200	1.386	4,4%	14,5%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		3		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100,0	51	51,0%	107,3%
-	Thu tiền sử dụng đất	30.000	498	1,7%	5,6%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.100	834	75,8%	135,0%
10	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	100	163	163,1%	221,5%
12	Thu khác ngân sách	2.100	1.078	51,3%	132,4%
II	Các khoản huy động đóng góp		600		
III	Các khoản thu không có trong công thức				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	70.200	15.429	22,0%	48,0%
1	Từ các khoản thu phân chia	2.800	1.375	49,1%	159,0%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	67.400	14.054	20,9%	44,9%

thuy



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN
QUY II NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng./.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	139.230	283.085	203,3%	646,9%
I	Thu cân đối NSNN	70.200	14.829	21,1%	46,1%
1	Thu nội địa	70.200	14.829	21,1%	46,1%
2	Các khoản thu không có trong công thức				
3	Thu viện trợ				
II	Các khoản huy động đóng góp		600		
III	Các khoản thu quản lý qua NS				
IV	Thu bổ sung từ NS cấp trên	218.524	188.022	86,0%	1621,0%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	149.494	86.434	57,8%	774,5%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	69.030	101.588	147,2%	23153,5%
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		23		
VI	Thu từ nguồn kết dư				
VII	Thu chuyên nguồn		79.612		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	288.724	135.463	46,9%	104,4%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	219.694	93.510	42,6%	72,1%
1	Chi đầu tư phát triển	30.000	-	0,0%	0,0%
2	Chi thường xuyên	185.300	93.510	50,5%	112,6%
3	Dự phòng ngân sách	4.394	-	0,0%	
II	Chi từ nguồn thu để lại qua NS				
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	69.030	41.953	60,8%	
IV	Chi từ nguồn kết dư		-		
V	Chi từ nguồn huy động đóng góp	-	-		

Handwritten signature

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN
QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng./.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm 2023	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	288.724	135.463	46,9%	104,4%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	219.694	93.510	42,6%	72,1%
I	Chi đầu tư phát triển	30.000	-	0,0%	0,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	30.000	-	0,0%	0,0%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	185.300	93.510	50,5%	112,6%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	109.634	48.765	44,5%	104,2%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	109	3.878	3557,5%	7211,1%
4	Chi Văn hóa-Thể Thao-Truyền thanh	1.883	1.398	74,3%	166,1%
5	Chi bảo vệ môi trường	3.000	1.702	56,7%	113,0%
6	Chi hoạt động kinh tế	9.801	6.902	70,4%	232,9%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	42.719	19.550	45,8%	98,6%
8	Chi bảo đảm xã hội	14.408	7.281	50,5%	91,7%
9	Chi các khoản khác theo quy định		1.000		250,0%
III	Dự phòng ngân sách	4.394		0,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	69.030	41.953	60,8%	
I	Bổ sung thực hiện nhiệm vụ	69.030	41.953	60,8%	
1	Vốn sự nghiệp	1.311	891	68,0%	
2	Vốn đầu tư	67.719	41.062	60,6%	
II	Chương trình mục tiêu Chính phủ	0	-		
1	Vốn sự nghiệp				
2	Vốn đầu tư				
C	Vốn huy động đóng góp				
D	Chi từ nguồn kết dư NS huyện				
E	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUA NS				

Thư